

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 01 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần TMDV SK Việt Nam tại Văn bản số 01-122025/CV-SKVN ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, công suất 960 tấn sản phẩm/năm và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-SNN&MT ngày 07 tháng 01 năm 2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần TMDV SK Việt Nam, địa chỉ tại 2C Nguyễn Huy Tự, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, công suất 960 tấn sản phẩm/năm, địa chỉ tại ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

a) Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, công suất 960 tấn sản phẩm/năm.

b) Địa điểm hoạt động: tại thửa đất 293 tờ bản đồ 15, ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0316423611, đăng ký đầu ngày 06/8/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/9/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

d) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thủy sản đông lạnh.

đ) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: dự án triển khai tại thửa đất 293 tờ bản đồ 15, ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp.

- Quy mô, công suất: thuộc dự án nhóm III theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ với tổng mức đầu tư 25.000.000.000 đồng, công suất: 960 tấn sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần TMDV SK Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần TMDV SK Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến ngày 30/12/2032.

Giấy phép môi trường số 3356/GPMT-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *men*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Kim Sơn;
- Cty CP TMDV SK Việt Nam;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, Nguyễn.

5

**KT. CHỦ TỊCH *men***  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Lead*  
*Nguyễn Thành Diệu*

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND  
ngày 12 tháng 04 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên 0,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình sản xuất của công ty 18,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

- a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung trong khu vực.
- b) Vị trí xả nước thải: cống thoát nước chung trong khu vực; tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1143250; Y = 561039 (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 6°).

- c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 19 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**- Phương thức xả nước thải:**

+ Nước thải sinh hoạt, sản xuất sau khi được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra cống thoát nước chung trong khu vực.

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản, cột A và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột C, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm                                                     | Đơn vị tính | QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột A |
|----|------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------|
| I  | Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 |             |                              |
| 1  | pH                                                               | -           | 6-9                          |
| 2  | TSS                                                              | mg/l        | 50                           |
| 3  | BOD <sub>5</sub>                                                 | mg/l        | 30                           |

|                                                                           |                     |                    |                                       |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------------|
| 4                                                                         | COD                 | mg/l               | 75                                    |
| 5                                                                         | Tổng N              | mg/l               | 30                                    |
| 6                                                                         | Tổng P              | mg/l               | 10                                    |
| 7                                                                         | Amoni               | mg/l               | 10                                    |
| 8                                                                         | Tổng dầu mỡ ĐTV     | mg/l               | 10                                    |
| 9                                                                         | Tổng Coliform       | MPN/100ml          | 3.000                                 |
| 10                                                                        | Clo dư              | mg/l               | 1                                     |
| <b>II Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường</b> |                     |                    |                                       |
| <b>TT</b>                                                                 | <b>Chất ô nhiễm</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>QCVN 40:<br/>2025/BTNMT, cột C</b> |
| 1                                                                         | pH                  | -                  | 6-9                                   |
| 2                                                                         | TSS                 | mg/l               | ≤ 120                                 |
| 3                                                                         | BOD <sub>5</sub>    | mg/l               | ≤ 80                                  |
| 4                                                                         | COD                 | mg/l               | ≤ 130                                 |
| 5                                                                         | Tổng N              | mg/l               | ≤ 60                                  |
| 6                                                                         | Tổng P              | mg/l               | ≤ 18                                  |
| 7                                                                         | Amoni               | mg/l               | ≤ 12                                  |
| 8                                                                         | Tổng dầu mỡ ĐTV     | mg/l               | ≤ 30                                  |
| 9                                                                         | Tổng Coliform       | MPN/100ml          | ≤ 5.000                               |
| 10                                                                        | Clo dư              | mg/l               | ≤ 2                                   |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt và sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm) → Cống thoát nước chung trong khu vực.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và sản xuất được thu gom theo đường ống sau đó đưa vào hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thoát ra cống thoát nước chung trong khu vực.

- Công suất thiết kế: 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

c) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Dự án sẽ sử dụng vi sinh bồn cầu và thuê đơn vị hút hầm cầu khi hầm đầy hoặc gặp sự cố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ tháng 11/2022 đến tháng 01/2023.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp; Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1143250; Y = 561039 (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6°).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

| TT | Chất ô nhiễm     | Đơn vị tính | QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột A |
|----|------------------|-------------|------------------------------|
| 1  | pH               | -           | 6-9                          |
| 2  | TSS              | mg/l        | 50                           |
| 3  | BOD <sub>5</sub> | mg/l        | 30                           |
| 4  | COD              | mg/l        | 75                           |
| 5  | Tổng N           | mg/l        | 30                           |
| 6  | Tổng P           | mg/l        | 10                           |
| 7  | Amoni            | mg/l        | 10                           |
| 8  | Tổng dầu mỡ ĐTV  | mg/l        | 10                           |
| 9  | Tổng Coliform    | MPN/100ml   | 3.000                        |
| 10 | Clo dư           | mg/l        | 1                            |

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

a) Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

b) Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.